

BẢNG GIÁ THUỐC NĂM 2025

Theo QĐ số 799/QĐ-SYT ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Giám đốc Sở Y tế An Giang
QĐ số 1064/QĐ-SYT ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Giám đốc Sở Y tế An Giang
QĐ số 53/QĐ-TTMS Ngày 11 tháng 02 năm 2025 GD trung tâm mua sắm tập trung Quốc Gia
QĐ số 88/QĐ-TTMS Ngày 14 tháng 11 năm 2024 GD trung tâm mua sắm tập trung Quốc Gia
QĐ số 98/QĐ-TTMS Ngày 12 tháng 12 năm 2024 GD trung tâm mua sắm tập trung Quốc Gia

S T T	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Đơn vị tính	Hàm lượng	Đườn g dùng	Số ĐK	Đơn giá	Nhà SX	Nước SX	Nhà thầu	TT Thầu
1	40.538	Acetylsalicylic acid (DL-lysine)	ASPIRIN 81	Viên	81mg	Uống	VD-29659-18	68	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023
2	40.538	Acetylsalicylic acid (DL-lysine)	Aspirin Stella 81mg	Viên	81mg	Uống	VD-27517-17	340	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm -	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHUÔNG DUY	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;8
3	40.30.55 4	Acetylsalicylic acid + clopidogrel	Clopiaspirin 75/100	Viên	100mg ; 75mg	Uống	VD-34727-20	9,500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;8
4	40.260	Aciclovir	Acyclovir	Tuýp	5%/5g	Dùng ngoài	VD-24956-16	3,780	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC MEDIPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
5	40.260	Aciclovir	ACYCLOVIR 800	viên	800mg	Uống	VD-34275-20	1,029	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
6	40.412	Alfuzosin	Alsiful S.R. Tablets 10mg	Viên	10mg	Uống	VN-22539-20	6,800	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.;	Đài Loan	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AN KHANG	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;8
7	40.412	Alfuzosin	Alanboss XL 10	viên	10mg	Uống	VD-34894-20	6,800	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC VIỆT	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
8	40.59	Allopurinol	Sadapron 100	Viên	100mg	Uống	VN-20971-18	1,750	Remedica Ltd.	Síp	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;8
9	40.59	Allopurinol	Darinol 300	Viên	300mg	Uống	VD-28788-18	505	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;8
10	40.67	Alpha chymotrypsin	Statripsine	Viên	4.2mg	Uống	VD-21117-14	644	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm -	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHUÔNG DUY	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;8
11	40.662	Aluminum phosphat	Phosphalugel	Gói	12,38g/g ói 20g	Uống	VN-16964-13	3,751	Pharmatis	Pháp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;8
12	40.483	Amiodaron hydroclorid	Amiodarona GP	Viên	200 mg	Uống	VN-23269-22	6,619	Farmalabor Produtos Farmacêuticos, S.A	Bồ Đào Nha	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;8

S T T	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Đơn vị tính	Hàm lượng	Đườn g dùng	Số ĐK	Đơn giá	Nhà SX	Nước SX	Nhà thầu	TT Thầu
13	40.483	Amiodaron hydroclorid	Amcoda 200	Viên	200mg	Uống	VD-32534-19	2.590	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023:8
14	40.491	Amlodipin	Kavasdin 10	Viên	10mg	Uống	VD-20760-14	335	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠI PHÁT	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023:8
15	40.30.49 5	Amlodipin + atorvastatin	ZOAMCO-A	Viên	5mg + 10mg	Uống	VD-36187-22	3,195	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	CTY TNHH DƯỢC HỒNG LỘC PHÁT	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023:8
16	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Iba-Mentin 1000mg/62,5mg	Viên	1000mg + 62,5	Uống	VD-28065-17	15,781	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023:8
17	40.549	Atorvastatin	Insuact 10	Viên	10mg	Uống	VD-29107-18	350	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023:8
18	40.549	Atorvastatin	Lipvar 20	viên	20mg	Uống	VD-29524-18	344	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC HẬU GIANG	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023:8
19	40.549	Atorvastatin	Atorvastatin 20	Viên	20mg	Uống	VD-33343-19	150	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC MEDIPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023:8
20	40.219	Azithromycin	AGITRO 500	Viên	500mg	Uống	VD-34102-20	2.630	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023:8
21	40.718	Bacillus subtilis	Biosubtyl-II	Viên	10 ⁷ -10 ⁸	Uống	QLSP-856-15	1.500	Công ty cổ phần Vắc xin và sinh phẩm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023:8
22	40.972	Bambuterol	Bambuterol 20 A.T	Viên	20mg	Uống	VD-34137-20	1,260	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CP DP AN THIÊN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023:8
23	40.899	Betahistin	Agihistine 24	Viên	24mg	Uống	VD-32774-19	2,780	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023:8
24	40.1032	Calci carbonat + calci	GONCAL	Viên	150mg +	Uống	VD-20946-14	1,950	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi	Việt Nam	CÔNG TY TNHH SAN TA VIỆT NAM	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023:8
25	40.1034	Calci lactat	CLIPOXID-300	Viên	300mg	Uống	VD-34168-20	1,800	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023:8
26	40.495	Candesartan	Cancetil	Viên	8mg	Uống	VD-21076-14	450	Công ty TNHH DP Shinpoong Daewoo	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SHINPOONG DAEWOO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023:8
27	40.495	Candesartan	Cancetil	Viên	16mg	Uống	VD-21075-14	660	Công ty TNHH DP Shinpoong Daewoo	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SHINPOONG DAEWOO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023:8
28	40.30.50 8	Candesartan + hydrochlorothiazid	Acantan HTZ 8-12.5	Viên	8mg + 12,5mg	Uống	VD-30299-18	2,982	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỒNG THÀNH	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023:8
29	40.990	Carbocistein	Ausmuco 750V	Viên	750mg	Uống	VD-31668-19	2,499	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỒNG THÀNH	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023:8
30	40.497	Carvedilol	Cypdicar 6,25 Tablets	Viên	6,25mg	Uống	VN-18254-14	1,698	Remedica Ltd.	Síp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG VIỆT	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023:8
31	40.161	Cefaclor	Ceplorvpc 500	Viên	500mg	Uống	VD-29712-18	8,100	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023:8

S T T	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Đơn vị tính	Hàm lượng	Đườn g dùng	Số ĐK	Đơn giá	Nhà SX	Nước SX	Nhà thầu	TT Thầu
32	40.169	Cefixim	Imexime 50	Gói	50mg	Uống	VD-31116-18	5,000	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;8
33	40.184	Cefuroxim	Cefuroxime 125mg	Gói	125mg	Uống	VD-23598-15	1,617	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;8
34	40.184	Cefuroxim	Cefuroxime 125mg	Gói	125mg	Uống	VD-23598-15	1,617	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
35	40.28	Celecoxib	Agilecox 200	Viên	200mg	Uống	VD-25523-16	1,680	Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DP HIỀN MAI	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;8
36	40.81	Chlorpheniramin (hydrogen maleat)	Clorpheniramin	Viên	4mg	Uống	VD-32848-19	41	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
37	40.498	Cilnidipin	Atelec Tablets 10	Viên	10mg	Uống	VN-15704-12	9,000	EA Pharma Co., Ltd.	Nhật	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;8
38	40.220	Clarithromycin	AGICLARI 500	Viên	500mg	Uống	VD-33368-19	1,890	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
39	40.540	Clopidogrel	DogrelSaVi	Viên	75mg	Uống	VD-31847-19	685	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;8
40	40.540	Clopidogrel	Plavix	Viên	300mg	Uống	VN-18879-15	54,746	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;8
41	40.943	Clorpromazin	Aminazin 25mg	Viên	25mg	Uống	VD-28783-18	105	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
42	40.285	Clotrimazol	ZOLOMAX FORT	Viên	500mg	Đặt âm	VD-26726-17	6,300	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
43	40.61	Colchicin	Colchicin	Viên	1mg	Uống	VD-22172-15	255	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
44	40.69	Cytidin-5monophosphat	HORNOL	Viên	5mg+3mg	Uống	VD-16719-12	4,200	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;8
45	40.82	Desloratadin	Deslora	Viên	5mg	Uống	VD-26406-17	1,575	Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;8
46	40.82	Desloratadin	Desloratadin ODT 5	Viên	5mg	Uống	VD-35516-21	1,470	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
47	40.818	Desmopressin	Minirin Melt Oral Lyophilisate 60mcg	Viên	60mcg	Uống	VN-18301-14	22,133	Catalent U.K. Swindon Zydis	Anh	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;8
48	40.4	Diazepam	Seduxen 5 mg	Viên	5mg	Uống	VN-19162-15	1,260	Gedeon Richter Plc.	Hungary	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;8
49	40.30	Diclofenac	Elaria 100mg	Viên	100mg	Đặt hậu	VN-20017-16	13,500	Medochemie Ltd. - Cogols Facility	Síp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠI PHÁT	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;8
50	40.30	Diclofenac	Diclofenac	Viên	100mg	Đặt hậu	VD-29382-18	11,500	Công ty Cổ phần TM Dược phẩm Quang	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8

S T T	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Đơn vị tính	Hàm lượng	Đườn g dùng	Số ĐK	Đơn giá	Nhà SX	Nước SX	Nhà thầu	TT Thầu
51	40.30	Diclofenac	VIFAREN	viên	50mg	Uống	VD-29189-18	84	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
52	40.721	Diocahedral smectit	SMECGIM	Gói	3000mg	Uống	VD-25616-16	3,360	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
53	40.735	Diosmin	Phlebodia	Viên	600mg	Uống	VN-18867-15	6,816	Innothera Chouzy	Pháp	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC THUẬN GIA	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
54	40.735	Diosmin	Diosfort	Viên	600mg	Uống	VD-28020-17	5,950	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG VIỆT	799/QĐ- SYT;G1;N2;2023;8
55	40.736	Diosmin + hesperidin	Venokern 500mg viên nén bao phim	viên	450mg + 50mg	Uống	VN-21394-18	2,880	Kern Pharma S.L.	Tây Ban Nha	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
56	40.736	Diosmin + hesperidin	Daflon 1000mg	Viên	900mg; 100mg	Uống	VN3-291-20	6,320	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
57	40.688	Domperidon	Domreme	viên	10mg	Uống	VN-19608-16	1,000	Remedica Ltd	Síp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
58	40.688	Domperidon	A.T Domperidon	Gói	5mg/5m l, 10ml	Uống	VD-26743-17	4,320	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM KHANG TÍN	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
59	40.697	Drotaverin clohydrat	Drotusc	Viên	40mg	Uống	VD-25197-16	567	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	799/QĐ- SYT;G1;N3;2023;8
60	40.697	Drotaverin clohydrat	Drotusc Forte	Viên	80mg	Uống	VD-24789-16	1,050	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỜNG THÀNH	799/QĐ- SYT;G1;N3;2023;8
61	40.414	Dutasterid	Dagocti	Viên	0,5mg	Uống	VD-25204-16	6,741	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEDBOLIDE	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
62	40.784	Dydrogesteron	Duphaston	Viên	10mg	Uống	VN-21159-18	7,728	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
63	40.501	Enalapril	Gygaril 5	Viên	5mg	Uống	VD-18098-12	373	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ PHƯƠNG	799/QĐ- SYT;G1;N2;2023;8
64	40.30.51 6	Enalapril + hydrochlorothiazid	Apitec 20 - H	Viên	20mg + 12,5mg	Uống	VD-30912-18	3,000	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
65	40.264	Entecavir	Entecavir STELLA 0.5mg	Viên	0,5mg	Uống	QLĐB-560- 16	16,000	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm -	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	799/QĐ- SYT;G1;N3;2023;8
66	40.678	Esomeprazol	STADNEX 40 CAP	Viên	40mg	Uống	VD-22670-15	6,800	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm -	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	799/QĐ- SYT;G1;N3;2023;8
67	40.934	Etifoxin chlohydrat	Stresam	Viên	50mg	Uống	VN-21988-19	3,300	Biocodex	Pháp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
68	40.32	Etodolac	Etocox 200	Viên	200mg	Uống	VD-30235-18	2,625	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	799/QĐ- SYT;G1;N2;2023;8
69	40.553	Fenofibrat	COLESTRIM SUPRA	Viên	145mg	Uống	VN-18373-14	7,000	Ethypharm	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8

S T T	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Đơn vị tính	Hàm lượng	Đườn g dùng	Số ĐK	Đơn giá	Nhà SX	Nước SX	Nhà thầu	TT Thầu
70	40.87	Fexofenadin	Fexofenadin OD DWP 60	Viên	60mg	Uống	VD-35359-21	840	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUÔNG THÀNH	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
71	40.87	Fexofenadin	Danapha-Telfadin 180	Viên	180mg	Uống	VD-28786-18	4,150	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	799/QĐ- SYT;G1;N3;2023;8
72	40.336	Flunarizin	Fluzinstad 5	Viên	5mg	Uống	VD-25479-16	940	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm -	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	799/QĐ- SYT;G1;N2;2023;8
73	40.336	Flunarizin	MIRENZINE 5	Viên	5mg	Uống	VD-28991-18	1,250	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	799/QĐ- SYT;G1;N3;2023;8
74	40.336	Flunarizin	Oliveirim	Viên	10mg	Uống	VD-21062-14	2,200	Công ty Cổ phần dược phẩm Đạt Vi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	799/QĐ- SYT;G1;N2;2023;8
75	40.336	Flunarizin	Mezapizin 10	Viên	10mg	Uống	VD-24224-16	357	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUÔNG THÀNH	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
76	40.771	Fluorometholon	NAVALDO	Lọ	5mg/5m l	Nhỏ mắt	VD-30738-18	22,000	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
77	40.554	Fluvastatin	Mitifive	Viên	20mg	Uống	VD-35566-22	4,599	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
78	40.132	Gabapentin	NEUBATEL-FORTE	Viên	600mg	Uống	VD-25003-16	6,000	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	799/QĐ- SYT;G1;N2;2023;8
79	40.132	Gabapentin	Mezapentin 600	Viên	600mg	Uống	VD-27886-17	1,890	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUÔNG THÀNH	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
80	40.800	Gliclazid	Pyme Diapro MR	viên	30mg	Uống	VD-22608-15	275	Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
81	40.800	Gliclazid	Staclazide 60 MR	viên	60mg	Uống	VD-29501-18	2,250	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm -	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ PHƯƠNG	799/QĐ- SYT;G1;N2;2023;8
82	40.30.77 5	Gliclazid + metformin	Melanov-M	Viên	80mg + 500mg	Uống	VN-20575-17	3,800	Micro Labs Limited	Ấn Độ	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI TÂN	799/QĐ- SYT;G1;N3;2023;8
83	40.30.77 5	Gliclazid + metformin	Glizym-M	Viên	80mg + 500mg	Uống	VN3-343-21	3,200	M/s Panacea Biotec Pharma Ltd.	Ấn Độ	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI TÂN	799/QĐ- SYT;G1;N5;2023;8
84	40.801	Glimepirid	Glimepiride 2mg	Viên	2mg	Uống	VD-34692-20	149	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
85	40.64	Glucosamin	Otibone 1500	Gói	1500mg	Uống	VD-20179-13	4,390	Công ty Cổ phần Dược phẩm BosTon	Việt Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NGUYỄN	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
86	40.1015	Glucose	Glucose 30%	Chai	30%, 250ml	Tiêm truyền	VD-23167-15	10,878	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
87	40.772	Hydrocortison	Forsancort	Tuýp	1%; 10g	Dùng ngoài	VD-32290-19	17,990	Công ty Cổ Phần Dược Medipharco	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA SEN	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
88	40.37	Ibuprofen	A.T IBUPROFEN SYRUP	Ống	100mg/ 5ml.	Uống	VD-25631-16	4,500	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8

S T T	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Đơn vị tính	Hàm lượng	Đườn g dùng	Số ĐK	Đơn giá	Nhà SX	Nước SX	Nhà thầu	TT Thầu
89	40.506	Irbesartan	SaVi Irbesartan 75	Viên	75mg	Uống	VD-28034-17	3,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;8
90	40.507	Irbesartan + hydrochlorothiazid	Irbelorzed 150/12,5	Viên	150mg +	Uống	VD-27039-17	2,016	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DP NGUYỄN ANH KHOA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;8
91	40.507	Irbesartan + hydrochlorothiazid	Irzinex Plus	Viên	150mg +	Uống	VD-26782-17	3,465	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PHƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;8
92	40.485	Ivabradin	Bixebra 7.5 mg	Viên	7,5mg	Uống	VN-22878-21	9,996	KRKA, D.D., . Novo Mesto	Slovenia	CÔNG TY TNHH DP VĂN LANG	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;8
93	40.485	Ivabradin	IVABRADINE TABLETS 7.5MG	Viên	7,5 mg	Uống	VN-22873-21	5,500	Cadila Healthcare Ltd.	Ấn Độ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;8
94	40.567	Kali clorid	Kalium Chloratum Biomedica	Viên	500mg	Uống	VN-14110-11	1,500	Biomedica, spol.s.r.o	Czechia	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;8
95	40.567	Kali clorid	Kali Clorid	Viên	500mg	Uống	VD-33359-19	700	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
96	40.567	Kali clorid	Kali Clorid 10%	Ống	1g/10ml	Tiêm truyền	VD-25324-16	1,230	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
97	40.567	Kali clorid	Potassium Chloride Proamp 0,10g/ml	Ống	1g/10ml	Tiêm truyền	VN-16303-13	5,500	Laboratoire Aguettant	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;8
98	40.869	Kali iodid + Natri iodid	Posod eye drops	Lọ	(3mg + 3mg)/l	Nhỏ mắt	VN-18428-14	28,350	Hanlim Pharm Co., Ltd	Hàn Quốc	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NĂM PHÁT	799/QĐ-SYT;G1;N5;2023;8
99	40.724	Kẽm sulfat	Atisyrup zinc	Gói	10 mg/5ml	Uống	VD-31070-18	4,800	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
100	40.38	Ketoprofen	KEFENTECH	Miễn g	30mg	Dán ngoài	VN-10018-10	10,500	Jeil Health Science Inc	Hàn Quốc	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM CÁT	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;8
101	40.38	Ketoprofen	Inflafen 75	Viên	75mg	Uống	VD-25199-16	609	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
102	40.38	Ketoprofen	Ketoprofen EC DWP 100mg	Viên	100mg	Uống	VD-35224-21	2,394	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
103	40.39	Ketorolac	Acular	Lọ	0,5%	Nhỏ mắt	VN-18806-15	67,245	Allergan Pharmaceuticals	Ireland	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;8
104	40.90	Levocetirizin	ACRITEL-10	Viên	10mg	Uống	VD-28899-18	2,910	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;8
105	40.510	Lisinopril	LISINOPRIL STELLA 10MG	Viên	10mg	Uống	VD-21533-14	2,300	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm -	Việt Nam	CÔNG TY TNHH SAN TA VIỆT NAM	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;8
106	40.511	Lisinopril + hydrochlorothiazid	UmenoHCT 20/12,5	Viên	20mg + 12,5 mg	Uống	VD-29132-18	2,562	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DP NGUYỄN ANH KHOA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;8
107	40.727	Loperamid	Loperamide STELLA	Viên	2mg	Uống	VD-25985-16	480	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm-	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;8

S T T	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Đơn vị tính	Hàm lượng	Đườn g dùng	Số ĐK	Đơn giá	Nhà SX	Nước SX	Nhà thầu	TT Thầu
108	40.513	Losartan + hydrochlorothiazid	Agilosart - H 100/12,5	Viên	100mg +	Uống	VD-32775-19	1,995	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023:8
109	40.556	Lovastatin	Lovarem Tablets	viên	20mg	Uống	VN-22752-21	3,450	Remedica Ltd	Síp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023:8
110	40.712	Macrogol + natri sulfat + natri	Fortrans	Gói	64g (4000)	Uống	VN-19677-16	32,000	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023:8
111	40.671	Magnesi hydroxyd + nhôm	Kremil-S	Viên	233mg +	Uống	VD-18596-13	930	Công ty TNHH United International	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023:8
112	40.671	Magnesi hydroxyd + nhôm	AQUIMA	Gói	400mg/10ml;	Uống	VD-32231-19	3,300	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023:8
113	40.671	Magnesi hydroxyd + nhôm	Pamagel	Gói	800mg +	Uống	VD-34563-20	3,700	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023:8
114	40.1020	Manitol	Mannitol	Chai	20%, 250ml	Tiêm truyền	VD-23168-15	18,900	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023:8
115	40.807	Metformin	Metformin 500mg	viên	500mg	Uống	VD-33619-19	165	Công ty cổ phần dược phẩm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023:8
116	40.807	Metformin	Metformin Stella 1000 mg	viên	1000mg	Uống	VD-27526-17	1,700	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm -	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ PHƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023:8
117	40.807	Metformin	DH-Metglu XR 1000	viên	1000mg	Uống	VD-27507-17	1,638	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023:8
118	40.73	Methocarbamol	Methopil	Viên	500mg	Uống	VD-26679-17	1,890	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023:8
119	40.73	Methocarbamol	Mycotrova 1000	Viên	1000mg	Uống	VD-27941-17	2,100	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023:8
120	40.921	Misoprostol	HERAPROSTOL	Viên	200mcg	Uống	VD-29544-18	3,440	Công ty TNHH Sinh dược phẩm Hera	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023:8
121	40.998	N-acetylcystein	Effer - Acehasan 100	viên	100mg	Uống	VD-25025-16	1,092	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023:8
122	40.998	N-acetylcystein	Stacytine 200	Viên	200mg	Uống	VD-20374-13	1,400	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm-	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023:8
123	40.876	Natri carboxymethylcell	Refresh Tears	Lọ	0,5%	Nhỏ mắt	VN-19386-15	64,101	Allergan Sales, LLC	Mỹ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023:8
124	40.658	Natri clorid	Natri Clorid 0,9%	Lọ	0,9%/10 ml	Nhỏ mắt	VD-29295-18	1,320	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI ĐƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023:8
125	40.658	Natri clorid	Natri clorid 0,9%	Túi	0,9%, 100ml	Tiêm truyền	VD-32457-19	5,985	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRƯỜNG KHANG	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023:8
126	40.658	Natri clorid	Natri clorid 3%	Chai	3%, 100ml	Tiêm truyền	VD-23170-15	8,190	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023:8

S T T	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Đơn vị tính	Hàm lượng	Đườn g dùng	Số ĐK	Đơn giá	Nhà SX	Nước SX	Nhà thầu	TT Thầu
127	40.1009	Natri clorid + kali clorid + natri	Oresol	Gói	27,9g= (3,5g +	Uống	VD-29957-18	1,449	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
128	40.1009	Natri clorid + kali clorid + natri	Oresol	Gói	0,7g + 0,3g +	Uống	VD-26361-17	1,560	Công ty cổ phần dược vật tư y tế	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM LONG XUYỀN	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
129	40.881	Natri hyaluronat	Samaca	Lọ	1mg/1m l; 6ml	Nhỏ mắt	VD-30745-18	25,000	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN TRAPHACO	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
130	40.979	Natri montelukast	Zinkast	Gói	5mg	Uống	VD3-59-20	5,790	Công ty cổ phần dược VTYT Hà Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
131	40.979	Natri montelukast	Meyerkast 5	Viên	5mg	Uống	VD-27414-17	588	Công ty Liên Doanh Meyer-BPC	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ANH MỸ	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
132	40.517	Nebivolol	Nebivolol Stella 5mg	Viên	5mg	Uống	VD-23344-15	1,500	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm -	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	799/QĐ- SYT;G1;N3;2023;8
133	40.1025	Nhũ dịch lipid	SMOFlipid 20%	Chai	20%, 250ml	Tiêm truyền	VN-19955-16	142,000	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
134	40.519	Nifedipin	Nifedipin T20 retard	Viên	20mg	Uống	VD-24568-16	540	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm -	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	799/QĐ- SYT;G1;N2;2023;8
135	40.519	Nifedipin	Nifedipin Hasan 20 Retard	viên	20mg	Uống	VD-32593-19	504	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC VIỆT	799/QĐ- SYT;G1;N3;2023;8
136	40.519	Nifedipin	Fascapin-20	Viên	20mg	Uống	VD-18629-13	450	Công ty cổ phần dược phẩm Trung	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIBROS MIỀN NAM	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
137	40.301	Nystatin + neomycin +	Polygynax	Viên	100.000 IU+35.0	Đặt âm	VN-21788-19	9,500	Catalent France Beinheim S.A/	Pháp	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC THUẬN GIA	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
138	40.235	Ofloxacin	Ofloxacin-POS 3mg/ml	Lọ	15mg/5 ml	Nhỏ mắt	VN-20993-18	52,900	URSAPHARM Arzneimittel GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI FAMED	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
139	40.235	Ofloxacin	Oflovid Ophthalmic Ointment	Tuýp	0,3%	Tra mắt	VN-18723-15	74,530	Santen Pharmaceutical Co.,	Nhật	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
140	40.886	Olopatadin hydroclorid	Pataday	Chai	0,2%	Nhỏ mắt	VN-13472-11	131,099	Alcon Research, LLC.	Mỹ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
141	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Hapacol 80	gói	80mg	Uống	VD-20561-14	725	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC HẬU GIANG	799/QĐ- SYT;G1;N3;2023;8
142	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Acepron 80	Gói	80mg/ 1,5g	Uống	VD-22122-15	285	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
143	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Biragan 150	Viên	150mg	Đặt hậu	VD-21236-14	1,596	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
144	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	BABEMOL	Gói	120mg/ 5ml	Uống	VD-21255-14	1,800	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
145	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Bakidol 160	Ông	160mg/ 5ml	Uống	VD-29072-18	2,100	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8

S T T	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Đơn vị tính	Hàm lượng	Đườn g dùng	Số ĐK	Đơn giá	Nhà SX	Nước SX	Nhà thầu	TT Thầu
146	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Thepara	Ống	300mg/ 10ml	Uống	VD-30225-18	4,400	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
147	40.520	Perindopril	Oceperido	Viên	4mg	Uống	VD-32181-19	3,199	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
148	40.520	Perindopril	Cosaten	Viên	4mg	Uống	VD-18905-13	740	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	799/QĐ- SYT;G1;N2;2023;8
149	40.520	Perindopril	Coversyl 5mg	Viên	5mg	Uống	VN-17087-13	5,028	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
150	40.521	Perindopril + amlodipin	Viacoram 3.5mg/2.5mg	Viên	3,5mg; 2,5mg	Uống	VN3-46-18	5,960	Servier (Ireland) Industries Ltd	Iceland	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
151	40.521	Perindopril + amlodipin	Coveram 5mg/10mg	Viên	5mg; 10mg	Uống	VN-18634-15	6,589	Servier Ireland Industries Ltd	Iceland	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
152	40.521	Perindopril + amlodipin	Viacoram 7mg/5mg	Viên	7mg; 5mg	Uống	VN3-47-18	6,589	Servier (Ireland) Industries Ltd	Iceland	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
153	40.136	Phenobarbital	Phenobarbital	Viên	100mg	Uống	VD-26868-17	198	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
154	40.576	Piracetam	Neurofyl 400	Viên	400mg	Uống	VD-25094-16	550	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	799/QĐ- SYT;G1;N2;2023;8
155	40.576	Piracetam	PRACETAM 1200	Viên	1200mg	Uống	VD-18536-13	2,550	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm -	Việt Nam	CÔNG TY TNHH SAN TA VIỆT NAM	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
156	40.138	Pregabalin	Antivic 75	Viên	75mg	Uống	VD-26751-17	599	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CP DP AN THIÊN	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
157	40.138	Pregabalin	Davyca-F	Viên	150mg	Uống	VD-19655-13	3,090	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ	799/QĐ- SYT;G1;N2;2023;8
158	40.816	Propylthiouracil (PTU)	Basethyrox	Viên	100mg	Uống	VD-21287-14	735	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
159	40.450	Rivaroxaban	Xarelto	Viên	10mg	Uống	VN-21680-19	58,000	Bayer AG	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
160	40.450	Rivaroxaban	Xarelto	Viên	15 mg	Uống	VN-19013-15	58,000	Bayer AG	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
161	40.558	Rosuvastatin	Ravastel-5	Viên	5mg	Uống	VD-27450-17	480	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ	799/QĐ- SYT;G1;N2;2023;8
162	40.926	Salbutamol sulfat	Vinsalmol 5	Ống	5mg/2,5 ml	Đường hô	VD-30605-18	8,400	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
163	40.429	Sắt fumarat + acid folic	Satavit	Viên	162mg +	Uống	VD-18801-13	835	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
164	40.429	Sắt fumarat + acid folic	Folihem	Viên	310mg +	Uống	VN-19441-15	2,250	Remedica Ltd.	Síp	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8

S T T	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Đơn vị tính	Hàm lượng	Đườn g dùng	Số ĐK	Đơn giá	Nhà SX	Nước SX	Nhà thầu	TT Thầu
165	40.751	Silymarin	Silymarin VCP	Viên	140mg	Uống	VD-31241-18	890	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
166	40.750	Simethicon	Simecol	Chai	40mg/1 ml;	Uống	VD-33279-19	28,000	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
167	40.811	Sitagliptin	ZLATKO-25	Viên	25mg	Uống	VD-23924-15	6,000	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	799/QĐ- SYT;G1;N2;2023;8
168	40.811	Sitagliptin	SITAGIBES 50	Viên	50mg	Uống	VD-29669-18	1,490	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
169	40.956	Sulpirid	SULPRAGI	Viên	50mg	Uống	VD-25617-16	175	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
170	40.410	Tacrolimus	Thuốc Mỡ Tacropic	Tuýp	10mg/1 0g	Dùng ngoài	VD-20364-13	70,000	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
171	40.526	Telmisartan	SaVi Telmisartan 40	Viên	40mg	Uống	VD-23008-15	1,255	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	799/QĐ- SYT;G1;N3;2023;8
172	40.277	Tenofovir (TDF)	Tefostad T300	Viên	300mg	Uống	VD-23982-15	2,500	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm -	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHUÔNG DUY	799/QĐ- SYT;G1;N3;2023;8
173	40.277	Tenofovir (TDF)	Tenofovir 300	Viên	300mg	Uống	VD3-175-22	1,410	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC MEDIPHARCO	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
174	40.247	Tetracyclin hydroclorid	Tetracyclin 1%	Tuýp	1%/5g	Tra mắt	VD-26395-17	3,200	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC MEDIPHARCO	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
175	40.817	Thiamazol	Mezamazol	Viên	5mg	Uống	VD-21298-14	399	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỜNG THÀNH	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
176	40.817	Thiamazol	Thysedow 10 mg	Viên	10mg	Uống	VD-27216-17	525	Công ty cổ phần dược TW	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỜNG THÀNH	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
177	40.57	Tiaprofenic acid	Sunigam 100	Viên	100mg	Uống	VD-28968-18	4,900	Công ty cổ phần dược phẩm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PVN	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
178	40.30.56 4	Ticagrelor	Brilinta	Viên	90mg	Uống	VN-19006-15	15,873	AstraZeneca AB	Thụy Điển	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
179	40.469	Tinh bột este hóa (hydroxyethyl	Volulyte 6%	Túi	6%, 500ml	Tiêm truyền	VN-19956-16	84,800	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
180	40.206	Tobramycin	PHILTOBAX EYE DROPS	Lọ	15mg/5 ml	Nhỏ mắt	VN-19519-15	27,500	Hanlim Pharm Co, Ltd	Hàn Quốc	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE	799/QĐ- SYT;G1;N2;2023;8
181	40.207	Tobramycin + dexamethason	Dex-Tobrin	Lọ	3mg/1m l +	Nhỏ mắt	VN-16553-13	43,200	Balkanpharma Razgrad AD	Bulgaria	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
182	40.451	Tranexamic acid	Acid tranexamic 500mg	Viên	500mg	Uống	VD-26894-17	1,572	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
183	40.481	Trimetazidin	Vaspycar MR	viên	35mg	Uống	VD-24455-16	345	Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	799/QĐ- SYT;G1;N3;2023;8

S T T	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Đơn vị tính	Hàm lượng	Đườn g dùng	Số ĐK	Đơn giá	Nhà SX	Nước SX	Nhà thầu	TT Thầu
184	40.481	Trimetazidin	Vastarel OD 80mg	Viên	80mg	Uống	VN3-389-22	5,410	Egis Pharmaceuticals	Hungary	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
185	40.528	Valsartan	VALSGIM 80	Viên	80mg	Uống	VD-23495-15	695	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
186	40.812	Vildagliptin	Vigorito	viên	50mg	Uống	VD-21482-14	5,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ QUẢNG TRỊ	799/QĐ- SYT;G1;N2;2023;8
187	40.30.79 5	Vildagliptin + metformin	Galvus Met 50mg/1000mg	Viên	50mg+1 000mg	Uống	VN-19291-15	9,274	Novartis Pharma Produktions GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
188	40.1050	Vitamin B1 + B6 + B12	3B - Medi	Viên	125mg 125mg	Uống	VD-22915-15	1,197	Công ty Cổ phần Dược phẩm Medisun	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM IVY	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
189	40.1050	Vitamin B1 + B6 + B12	Scanneuron-Forte	Viên	250mg +	Uống	VD-22013-14	1,952	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm-	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ- SYT;G1;N2;2023;8
190	40.1061	Vitamin E	Incepavit 400 Capsule	Viên	400IU	Uống	VN-17386-13	1,850	Incepta Pharmaceuticals Ltd	Banglades h	CÔNG TY TNHH NACOPHARM MIỀN NAM	799/QĐ- SYT;G1;N2;2023;8
191	40.1061	Vitamin E	Vitamin E 400IU	Viên	400IU	Uống	VD-18448-13	449	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
192	40.30.50 8	Candesartan + hydrochlorothiazid	Cancetil Plus	Viên	16mg + 12,5mg	Uống	VD-21760-14	1,350	Công ty TNHH DP Shinpoong Daewoo	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SHINPOONG DAEWOO	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023
193	40.32	Etodolac	Etodax 300	Viên	300mg	Uống	VD-34068-20	3,200	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023
194	40.1026	Ringer lactat	Ringer lactate	Chai	500ml	Tiêm truyền	VD-22591-15	7,130	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023
195	40.451	Tranexamic acid	Tranexamic acid 250mg/5ml	Ống	250mg/ 5ml	Tiêm	VD-26911-17	1,598	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	799/QĐ- SYT;G1;N5;2023
196	40.1061	Vitamin E	Vitamin E 400IU	Viên	400IU	Uống	VD-18448-13	449	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023
197	40.495	Candesartan	Candesartan STADA 4mg	Viên	4mg	Uống	VD-34960-21	2,699	Nhà máy Stada Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ	799/QĐ- SYT;G1;N2;2023;8
198	40.688	Domperidon	Domreme	viên	10mg	Uống	52911007302 3	1,000	Remedica Ltd	Síp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
199	40.32	Etodolac	Etodax 300	Viên	300mg	Uống	VD-34068-20	3,200	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
200	40.89	Ketotifen	Ketotifen DWP 1mg	Viên	1mg	Uống	VD-35846-22	1,092	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
201	40.41	Meloxicam	Meloxboston 15	Viên	15 mg	Uống	VD-35729-22	3,599	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MỸ PHÚ	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
202	40.517	Nebivolol	Nebilet	Viên	5mg	Uống	VN-19377-15	7,600	Berlin Chemie AG	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8

S T T	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Đơn vị tính	Hàm lượng	Đườn g dùng	Số ĐK	Đơn giá	Nhà SX	Nước SX	Nhà thầu	TT Thầu
203	40.558	Rosuvastatin	Rosuvastatin 5	Viên	5mg	Uống	VD-35417-21	275	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC MEDIPHARCO	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
204	40.30.42 6	Solifenacin succinate	Vecarzec 5	viên	5mg	Uống	VD-34901-20	5,481	Công ty TNHH liên doanh Hasan-	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
205	40.30.78 6	Linagliptin + metformin	Trajenta Duo	Viên	2,5mg +	Uống	VN2-498-16	9,686	Boehringer Ingelheim pharma	Đức	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ- SYT(1717);G1;N1;
206	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Partamol Tab.	Viên	500mg	Uống	VD-23978-15	480	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm -	Việt Nam	CÔNG TY TNHH SAN TA VIỆT NAM	799/QĐ- SYT(1717);G1;N1;
207	40.30.42 7	Tamsulosin hydroclorid	Xalgetz 0.4mg	Viên	0,4mg	Uống	VN-11880-11	3,150	Getz Pharma (Pvt) Ltd	Pakistan	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ	799/QĐ- SYT(1717);G1;N3;
208	40.206	Tobramycin	Eyetobrin 0,3%	Lọ	3mg/ml	Nhỏ mắt	VN-21787-19	33,390	Cooper S.A. Pharmaceuticals	Hy Lạp	CÔNG TY TNHH DP ĐỨC ANH	799/QĐ- SYT(1717);G1;N1;
209	40.808	Glibenclamid + metformin	Hasanbest 500/2.5	Viên	2,5mg +	Uống	VD-32391-19	1,820	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG VIỆT	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023
210	40.1025	Nhũ dịch lipid	SMOFlipid 20%	Chai	20%, 250ml	Tiêm truyền	VN-19955-16	142,000	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ- SYT;G1;N2;2023
211	40.808	Glibenclamid + metformin	Hasanbest 500/2.5	Viên	2,5mg +	Uống	VD-32391-19	1,820	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG VIỆT	799/QĐ- SYT;G1;N3;2023;8
212	40.451	Tranexamic acid	Tranexamic acid 250mg/5ml	Ống	250mg/ 5ml	Tiêm	VD-26911-17	1,598	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
213	40.30.98 1	Acid amin*	Amiparen - 10	Chai	Các Axit	Tiêm truyền	VD-15932-11	63,000	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG	799/QĐ- SYT(1717);G1;N4;
214	40.528	Valsartan	Valsartan cap DWP 80 mg	Viên	80mg	Uống	VD-35593-22	1,995	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	799/QĐ- SYT(1717);G1;N4;
215	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Effergal	Viên	80mg	Đặt hậu	VN-20952-18	1,890	UPSA SAS	Pháp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ- SYT(1717);G1;N1;
216	40.68	Calcitonin	Rocalcic 100	Ống	100IU/1 ml, ống	Tiêm	VN-20613-17	90,000	Panpharma GmbH	Đức	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI DƯỢC PHẨM PHƯƠNG	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
217	40.440	Carbazochrom	Bacom-BFS	Ống	25mg/5 ml	Tiêm	VD-33151-19	31,500	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
218	40.914	Carbetocin	Duratocin	Lọ	100mcg/ 1ml	Tiêm	VN-19945-16	358,233	Ferring GmbH	Đức	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
219	40.914	Carbetocin	Hemotocin	Lọ	100mcg/ 1ml	Tiêm	VD-26774-17	346,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
220	40.173	Cefotaxim	CEFOVIDI	lọ	1g	Tiêm	VD-31975-19	5,250	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
221	40.249	Colistin*	Colistin I MIU	Lọ	1MIU	Tiêm	VD-35188-21	330,000	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ- SYT;G1;N2;2023;8

S T T	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Đơn vị tính	Hàm lượng	Đườn g dùng	Số ĐK	Đơn giá	Nhà SX	Nước SX	Nhà thầu	TT Thầu
222	40.4	Diazepam	Diazepam-Hameln 5mg/ml Injection	Ống	5mg/ml	Tiêm	VN-19414-15	8,799	Siegfried Hameln GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
223	40.443	Enoxaparin (natri)	Gemapaxane	Bom tiêm	6000IU/ 0,6ml	Tiêm	VN-16313-13	95,000	Italfarmaco, S.p.A.	Ý	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ- SYT(1717);G1;N1;
224	40.443	Enoxaparin (natri)	Gemapaxane	Bom tiêm	4000IU/ 0,4ml	Tiêm	VN-16312-13	70,000	Italfarmaco, S.p.A.	Ý	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ- SYT(1717);G1;N1;
225	40.659	Furosemid	Suopinchon Injection	ống	20mg/2 ml	Tiêm	VN-13873-11	4,200	Siu Guan Chem Ind Co., Ltd.	Đài Loan	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI DƯỢC PHẨM KHANG	799/QĐ- SYT;G1;N2;2023;8
226	40.478	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	Glyceryl Trinitrate - Hameln 1mg/ml	Ống	10mg	Tiêm	VN-18845-15	80,283	Siegfried Hameln GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
227	40.478	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	A.T Nitroglycerin inj	Ống	5mg/5m l	Tiêm	VD-25659-16	49,980	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AT & C	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
228	40.698	Hyoscin butylbromid	Atithios inj	Ống	20mg/1 ml	Tiêm	VD-31598-19	3,650	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CP DP AN THIÊN	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
229	40.698	Hyoscin butylbromid	BFS-Hyoscin 40mg/2ml	Lọ	20mg/m l - 2ml	Tiêm	VD-26769-17	14,700	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
230	40.806	Insulin analog tác dụng chậm, kéo	Toujeo Solostar	Bút tiêm	300 đơn	Tiêm	QLSP-1113- 18	415,000	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	Đức	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
231	40.803	Insulin người tác dụng trung bình,	INSUNOVA - N (NPH)	Lọ	100IU/ ml	Tiêm	QLSP-848-15	51,999	Biocon Limited	Ấn Độ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	799/QĐ- SYT;G1;N5;2023;8
232	40.253	Linezolid*	Inlezone 600	Túi	600mg/ 300ml	Tiêm	VD-32784-19	195,000	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HIỆP BÁCH NIÊN	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
233	40.918	Methyl ergometrin maleat	Vingomin	Ống	0,2mg/ ml	Tiêm	VD-24908-16	11,900	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
234	40.690	Metoclopramid	Elitan	Ống	10mg/2 ml	Tiêm	VN-19239-15	14,200	Medochemie Ltd - Ampoule Injectable	Síp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
235	40.15	Midazolam	Midazolam B. Braun 5mg/ml	Ống	5mg/1m l	Tiêm	VN-21177-18	18,900	B.Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
236	40.114	Naloxon hydroclorid	Naloxone-hameln 0.4mg/ml Injection	Ống	0,4mg/ ml	Tiêm	VN-17327-13	43,995	Siegfried Hameln GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
237	40.114	Naloxon hydroclorid	BFS-Naloxone	Ống	0,4mg/1 ml	Tiêm	VD-23379-15	29,400	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
238	40.116	Natri hydrocarbonat	Sodium Bicarbonate Renaudin 8,4%	Ống	0,84g/ 10ml	Tiêm	VN-17173-13	22,000	Laboratoire Renaudin	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN EUTICAL	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
239	40.190	Oxacilin	Oxacillin 1g	Lọ	1g	Tiêm	VD-26162-17	44,100	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM IMEXPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N2;2023;8
240	40.121	Phenylephrin	Phenylephrine Aguettant 50	Bom tiêm	50mcg/ ml	Tiêm	VN-21311-18	194,500	Laboratoire Aguettant	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8

S T T	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Đơn vị tính	Hàm lượng	Đườn g dùng	Số ĐK	Đơn giá	Nhà SX	Nước SX	Nhà thầu	TT Thầu
241	40.685	Acetyl leucin	Zentanil 500mg/5ml	Lọ	500mg/ 5ml	Tiêm	VD-33432-19	12,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
242	40.482	Adenosin triphosphat	Adenorythm	Lọ	3mg/ml	Tiêm	VN-22115-19	850,000	Vianex S.A.- Plant A	Hy Lạp	CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂM ĐAN	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
243	40.539	Alteplase	Actilyse	Lọ	50mg	Tiêm	QLSP-948-16	10,323,	Boehringer Ingelheim Pharma	Đức	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
244	40.483	Amiodaron hydroclorid	BFS - Amiron	Lọ	150mg/ 3ml	Tiêm	VD-28871-18	24,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
245	40.98	Calci gluconat	Growpone 10%	Ống	10%/10 ml	Tiêm	VN-16410-13	13,300	Farmak JSC	Ukraine	CÔNG TY TNHH DP MINH TRÍ	799/QĐ- SYT;G1;N2;2023;8
246	40.68	Calcitonin	Rocalcic 50	Ống	50UI/ml . ống	Tiêm	VN-20345-17	56,000	Panpharma GmbH	Đức	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI DƯỢC PHẨM PHƯƠNG	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
247	40.220	Clarithromycin	AGICLARI 500	Viên	500mg	Uống	VD-33368-19	1,890	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N3;2023;8
248	40.670	Magnesi hydroxyd + nhôm	Gelactive	gói	400 mg + 300	Uống	VD-31402-18	2,394	Công ty TNHH liên doanh Hasan-	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
249	40.119	Nor-epinephrin (Nor- adrenalin)	Norepinephrin Kabi 1mg/ml	Ống	1mg/1ml	Tiêm	VD-36179-22	25,750	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
250	40.91	Loratadin	Clanoz	viên	10mg	Uống	VD-20550-14	284	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC HẬU GIANG	799/QĐ- SYT;G1;N2;2023;8
251	40.46	Naproxen	Ameproxen 500	Viên	500mg	Uống	VD-25741-16	1,800	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DP NGUYỄN ANH KHOA	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
252	40.285	Clotrimazol	Wzitamy TM	Viên	200mg	Đặt âm	VD-33535-19	6,000	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DP NGUYỄN ANH KHOA	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
253	40.671	Magnesi hydroxyd + nhôm	Mylenfa II	Viên	200mg +200mg	Uống	VD-25587-16	504	Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DP NGUYỄN ANH KHOA	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
254	40.1031	Calci carbonat	Kitno	Viên	625mg	Uống	VD-27984-17	1,400	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DP NGUYỄN ANH KHOA	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
255	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Paracetamol 10mg/ml	Chai, túi	1g/100 ml	Tiêm	VD-33956-19	9,400	Công ty TNHH Dược phẩm Allomed	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CHÂU Á THÁI BÌNH	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
256	40.1015	Glucose	Dextrose 10%	Chai	10%, 500ml	Tiêm truyền	VN-22249-19	27,000	Vioser S.A Parenteral Solutions	Hy Lạp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CHÂU Á THÁI BÌNH	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023;8
257	40.899	Betahistin	Betahistin 8 A.T	Viên	8mg	Uống	VD-25651-16	165	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CP DP AN THIÊN	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
258	40.147	Ivermectin	Ivermectin 3 A.T	Viên	3mg	Uống	VD-25656-16	7,455	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CP DP AN THIÊN	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
259	40.249	Colistin*	COLISODI 1,0 MIU	Lọ	1.000.00 0 IU	Tiêm	VD-34657-20	165.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CP DP AN THIÊN	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8

S T T	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Đơn vị tính	Hàm lượng	Đườn g dùng	Số ĐK	Đơn giá	Nhà SX	Nước SX	Nhà thầu	TT Thầu
260	40.750	Simethicon	AIR-X 120	Viên	120mg	Uống	VN-19126-15	1,365	R.X. Manufacturing Co.,Ltd	Thái Lan	CÔNG TY TNHH TMDP ÚC CHÂU	799/QĐ-SYT;G1;N5;2023;8
261	40.733	Saccharomyces boulardii	MICEZYM 100	gói	100mg=2,26 x	Uống	QLSP-947-16	3,927	Công ty TNHH liên doanh Hasan-	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
262	40.141	Valproat natri	Milepsy 200	viên	200mg	Uống	VD-33912-19	1,323	Công ty TNHH liên doanh Hasan-	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
263	40.30.77 7	Glimepirid + metformin	Comiaryl 2mg/500mg	viên	2mg + 500mg	Uống	VD-33885-19	2,478	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
264	40.899	Betahistin	Divaser	Viên	8mg	Uống	VD-28453-17	840	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;8
265	40.451	Tranexamic acid	Duhemos 500	viên	500mg	Uống	VD-27547-17	2,499	Công ty TNHH liên doanh Hasan-	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
266	40.479	Isosorbid (dinitrat hoặc	Imidu® 60 mg	viên	60mg	Uống	VD-33887-19	1,953	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
267	40.87	Fexofenadin	Fegra 120mg	Viên	120mg	Uống	VD-25387-16	3,500	Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
268	40.481	Trimetazidin	Vaspycar MR	viên	35 mg	Uống	VD-24455-16	345	Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
269	40.493	Bisoprolol	Biscapro 2,5	viên	2,5 mg	Uống	VD-28288-17	320	Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;8
270	40.512	Losartan	Pyzacar 50 mg	Viên	50mg	Uống	VD-26431-17	1,120	Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;8
271	40.800	Gliclazid	Pyme Diapro MR	viên	30mg	Uống	VD-22608-15	275	Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;8
272	40.801	Glimepirid	Diaprid 2	Viên	2mg	Uống	VD-24959-16	1,045	Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N3;2023;8
273	40.1015	Glucose	Dextrose	Chai	5%, 500ml	Tiêm truyền	VN-22248-19	19,500	Vioser S.A Parenteral Solutions	Hy Lạp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CHÂU Á THÁI BÌNH	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;8
274	40.213	Metronidazol + neomycin +	NEO- MEGYNA	Viên	500mg, 65.000I	Đặt âm	VD-20651-14	1,736	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
275	40.207	Tobramycin + dexamethason	TOBCOL - DEX	Chai	15mg; 5mg	Nhỏ mắt	VD-26086-17	6,300	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
276	40.892	Tetracain	TETRACAIN 0,5%	Chai	50mg	Nhỏ mắt	VD-31558-19	15,015	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
277	40.514	Methyldopa	AGIDOPA	Viên	250mg	Uống	VD-30201-18	545	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
278	40.659	Furosemid	AGIFUROS	Viên	40mg	Uống	VD-27744-17	92	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8

S T T	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Đơn vị tính	Hàm lượng	Đườn g dùng	Số ĐK	Đơn giá	Nhà SX	Nước SX	Nhà thầu	TT Thầu
279	40.688	Domperidon	AGIMOTI	Gói	5mg/5ml	Uống	VD-17880-12	765	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
280	40.501	Enalapril	AGINARIL®5	Viên	5mg	Uống	VD-31563-19	75	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
281	40.37	Ibuprofen	AGIROFEN 400	Viên	400mg	Uống	VD-32778-19	600	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
282	40.559	Simvastatin	AGISIMVA 20	Viên	20mg	Uống	VD-24112-16	279	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
283	40.754	Trimebutin maleat	AGITRITINE 100	Viên	100mg	Uống	VD-31062-18	290	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
284	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	AGI-TYFEDOL 500	Viên	500mg	Uống	VD-27749-17	155	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
285	40.235	Ofloxacin	AGOFLOX	Viên	200mg	Uống	VD-24706-16	310	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
286	40.219	Azithromycin	AGITRO 500	Viên	500mg	Uống	VD-34102-20	2,630	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N3;2023;8
287	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	AGIMOL 150	Gói	150mg	Uống	VD-22790-15	280	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
288	40.496	Captopril	CAPTAGIM	Viên	25mg	Uống	VD-24114-16	104	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
289	40.132	Gabapentin	GAPTINEW	Viên	300mg	Uống	VD-27758-17	390	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
290	40.292	Itraconazol	IFATRAX	Viên	100mg	Uống	VD-31570-19	3,050	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
291	40.506	Irbesartan	IHYBES 150	Viên	150mg	Uống	VD-23489-15	365	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
292	40.506	Irbesartan	IHYBES 300	Viên	300mg	Uống	VD-25125-16	890	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
293	40.485	Ivabradin	IVAGIM 5	Viên	5mg	Uống	VD-35991-22	2,450	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
294	40.498	Cilnidipin	KALDALOC	Viên	10mg	Uống	VD-33382-19	5,350	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
295	40.553	Fenofibrat	LIPAGIM 160	Viên	160mg	Uống	VD-29662-18	565	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
296	40.553	Fenofibrat	LIPAGIM 200	Viên	200mg	Uống	VD-31571-19	390	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8
297	40.553	Fenofibrat	LIPAGIM 300	Viên	300mg	Uống	VD-13319-10	420	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023;8

S T T	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Đơn vị tính	Hàm lượng	Đườn g dùng	Số ĐK	Đơn giá	Nhà SX	Nước SX	Nhà thầu	TT Thâu
298	40.517	Nebivolol	NICARLOL 5	Viên	5mg	Uống	VD-27760-17	695	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023:8
299	40.297	Nystatin	NYSTATAB	Viên	500.000 UI	Uống	VD-24708-16	730	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023:8
300	40.228	Levofloxacin	Levogolds	Túi	750mg/ 150ml	Tiêm	VN-18523-14	250.000	InfoRLife SA.	Thụy Sĩ	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023:8
301	40.714	Monobasic natri phosphat +	Fleet Enema	Chai	19g/118 ml + 7g	thụt hậu	VN-21175-18	57,500	C.B Fleet Company Inc	Mỹ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023:8
302	40.806	Insulin analog tác dụng chậm, kéo	Basaglar	Bút tiêm	300U/3 ml	Tiêm	SP3-1201-20	255.000	Lilly France	Pháp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023:8
303	40.1014	Calci clorid	Calci clorid 500mg/ 5ml	Ống	500mg/ 5ml	Tiêm	VD-22935-15	843	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023:8
304	40.232	Moxifloxacin	Tamvelier	Lọ	0,5%, 5ml	Nhỏ mắt	VN-22555-20	74,991	Famar A.V.E. Alimos Plant 63.	Hy Lạp	CÔNG TY TNHH DP VĂN LANG	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023:8
305	40.448	Phytomenadion (vitamin K1)	Vik 1 inj.	ống	10mg/m l	Tiêm	VN-21634-18	11,000	Dai Han Pharm. Co., Ltd.	Hàn Quốc	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ PHƯƠNG	799/QĐ- SYT;G1;N2;2023:8
306	40.805.2	Insulin người trộn, hỗn hợp	Mixtard 30 FlexPen	Bút tiêm	300IU/3 ml	Tiêm	QLSP-1056- 17	69,500	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023:8
307	40.805.2	Insulin người trộn, hỗn hợp	Mixtard 30	Lọ	(700IU +	Tiêm	QLSP-1055- 17	56,000	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ- SYT;G1;N1;2023:8
308	40.12	Lidocain hydroclorid	Lidocain hydroclorid 40mg/2ml	Ống	40mg/2 ml	Tiêm	VD-23764-15	378	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023:8
309	40.1028	Nước cất pha tiêm	Nước cất tiêm	Ống	10ml	Tiêm	VD-18797-13	690	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023:8
310	40.30	Diclofenac	Diclofenac	Ống	75mg/3 ml	Tiêm	VD-29946-18	795	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023:8
311	40.1	Atropin sulfat	Atropin Sulphat	Ống	0,25mg/ ml	Tiêm	VD-24376-16	428	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023:8
312	40.518	Nicardipin	Vincardipin	Ống	10mg/1 0ml	Tiêm	VD-32033-19	84,000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023:8
313	40.832	Neostigmin metylsulfat	Vinstigmin	Ống	0,5mg/ ml	Tiêm	VD-30606-18	5,280	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023:8
314	40.86	Epinephrin (adrenalin)	Adrenalin 1mg/10ml	Ống	1mg/10 ml	Tiêm	VD-32031-19	5,040	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023:8
315	40.86	Epinephrin (adrenalin)	Adrenalin	Ống	1mg/1m l	Tiêm	VD-27151-17	1,285	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023:8
316	40.258	Vancomycin	Vancomycin 1g	Lọ	1g	Tiêm	VD-31254-18	30,300	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ- SYT;G1;N4;2023:8

S T T	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Đơn vị tính	Hàm lượng	Đườn g dùng	Số ĐK	Đơn giá	Nhà SX	Nước SX	Nhà thầu	TT Thầu
317	40.444	Etamsylat	Vincynon 500	Ống	500mg/ 2ml	Tiêm	VD-27155-17	32.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
318	40.448	Phytomenadion (vitamin K1)	Vinphyton 1mg	Ống	1mg/1ml	Tiêm	VD3-76-20	993	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
319	40.659	Furosemid	Vinzix	Ống	20mg/2ml	Tiêm	VD-29913-18	622	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
320	40.677	Omeprazol	Omevin	Lọ	40mg	Tiêm	VD-25326-16	5,886	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
321	40.678	Esomeprazol	Vinxium	Lọ	40mg	Tiêm	VD-22552-15	8,338	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
322	40.690	Metoclopramid	Vincomid	Ống	10mg/2ml	Tiêm	VD-21919-14	1,000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
323	40.679	Pantoprazol	Vintolox	Lọ	40mg	Tiêm	VD-18009-12	5,780	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
324	40.772	Hydrocortison	Vinphason	Lọ	100mg	Tiêm	VD-22248-15	5,900	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
325	40.775	Methyl prednisolon	Vinsolon	Lọ	40mg	Tiêm	VD-19515-13	6,040	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
326	40.919	Oxytocin	Vinphatoxin	Ống	10IU/ml	Tiêm	VD-26323-17	6,489	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
327	40.919	Oxytocin	Vinphatoxin	Ống	5IU/ml	Tiêm	VD-28703-18	2,800	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
328	40.659	Furosemid	Furosemidum Polpharma	Ống	20mg/2ml	Tiêm	VN-18406-14	4,400	Pharmaceutical Works Polpharma	Ba Lan	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG VIỆT	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;8
329	40.1021	Natri clorid	Natri clorid 0,9%	Chai	0,9%, 500ml	Tiêm truyền	VD-35956-22	6,153	Công ty Cổ Phần IVC	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRƯỜNG KHANG	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
330	40.533	Dobutamin	Dobutamine-hameln 12,5mg/ml Injection	Ống	12.5mg/ml	Tiêm	VN-22334-19	79,800	Siegfried Hameln GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;8
331	40.15	Midazolam	Zodalan	Ống	5mg/1ml	Tiêm	VD-27704-17	15,000	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
332	40.804.1	Insulin người tác dụng nhanh, ngắn	Actrapid	Lọ	1000IU/10ml	Tiêm	QLSP-1029-17	57,000	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;8
333	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	Vigentin 500/62,5 DT.	Viên	500mg +	Uống	VD-33610-19	8,200	Công ty cổ phần dược phẩm Trung	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT(1966);G1;N4;
334	40.805.2	Insulin người trộn, hỗn hợp	INSUNOVA 30/70 (Biphasic)	Lọ	100IU/ml	Tiêm	QLSP-847-15	51,999	Biocon Limited	Ấn Độ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	799/QĐ-SYT(1648);G1;N5;
335	40.30.77 7	Glimepirid + metformin	Perglim M-2	Viên	2mg + 500mg	Uống	VN-20807-17	3,000	Inventia Healthcare Limited	Ấn Độ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	799/QĐ-SYT(1648);G1;N3;

S T T	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Đơn vị tính	Hàm lượng	Đườn g dùng	Số ĐK	Đơn giá	Nhà SX	Nước SX	Nhà thầu	TT Thầu
336	40.190	Oxacilin	Oxacilin 1g	Lọ	1g	Tiêm	VD-26905-17	27,000	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
337	40.838	Rocuronium bromid	Rocuronium Kabi 10mg/ml	Lọ	10mg/ml	Tiêm	VN-22745-21	46,500	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;8
338	40.138	Pregabalin	Antivic 75	Viên	75mg	Uống	893110277923	599	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CP DP AN THIÊN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
339	40.998	N-acetylcystein	Effer - Acehasan 100	viên	100mg	Uống	893100106023	1,092	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
340	40.688	Domperidon	A.T Domperidon	Gói	5mg/5ml, 10ml	Uống	893110275423	4,320	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM KHANG TÍN	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
341	40.688	Domperidon	Domreme	viên	10mg	Uống	52977073023	1,000	Remedica Ltd	Síp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH	799/QĐ-SYT;G1;N1;2023;8
342	40.30.777	Glimepirid + metformin	Perglim M-2	Viên	2mg + 500mg	Uống	890110035223	3,000	Inventia Healthcare Limited	Ấn Độ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	SYT(1648);G1;N3;
343	40.750	Simethicon	AIR-X 120	Viên	120mg	Uống	885100025123	1,365	R.X. Manufacturing Co.,Ltd	Thái Lan	CÔNG TY TNHH TMDP ƯC CHÂU	799/QĐ-SYT;G1;N5;2023;8
344	40.998	N-acetylcystein	Stacytine 200	Viên	200mg	Uống	893100107723	1,400	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm-	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;8
345	40.451	Tranexamic acid	Haemostop 250mg/5ml	Ống	250mg/5ml	Tiêm	VN-21943-19	6,445	PT. Novell Pharmaceutical	Indonesia	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	799/QĐ-SYT;G1;N2;2023;8
346	40.765	Dexamethason	DEXAMETHASON	Ống	4mg/1ml	Tiêm	VD-28118-17	714	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG	799/QĐ-SYT;G1;N4;2023;8
347	40.1011	Acid amin*	ACID AMIN 5%	Chai	Mỗi 200ml	Tiêm truyền	VD-28286-17	53,000	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG	799/QĐ-SYT(123);G1;N4;2
348	40.307	Ethambutol HCl	Ethambutol 400mg	Viên	400mg	Uống	VD-20750-14	1,300	Công ty Cổ phần Dược phẩm	Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	159/QĐ-BVPTU;G1;N3;202
349	40.312	Rifampicin + Isoniazid	Turbe	Viên	150mg +	Uống	VD-20146-13	1,748	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	159/QĐ-BVPTU;G1;N3;202
350	40.313	Rifampicin + Isoniazid +	Turbezid	Viên	150mg + 75mg	Uống	VD-26915-17	2,798	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	159/QĐ-BVPTU;G1;N3;202
351	40.41	Meloxicam	Meloxicam-Teva 7.5mg	Viên	7,5mg	uống	VN-19041-15	788	Teva Pharmaceutical Works Private	Hungary	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	88/QĐ-TTMS;G1;N1;2024
352	40.179	Ceftazidim	Ceftazidime 1000	Lọ	1g	Tiêm	VD-19012-13	14,763	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	88/QĐ-TTMS;G1;N2;2024
353	40.188	Imipenem (dưới dạng Imipenem	Raxadin	Lọ	500mg +	Tiêm truyền	VN-16731-13	61,150	Demo S.A. Pharmaceutical	Greece	CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC	88/QĐ-TTMS;G1;N1;2024
354	40.493	Bisoprolol fumarat	Corneil-5	Viên	5mg	uống	VD-19653-13	287	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ	88/QĐ-TTMS;G1;N2;2024

S T T	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Đơn vị tính	Hàm lượng	Đườn g dùng	Số ĐK	Đơn giá	Nhà SX	Nước SX	Nhà thầu	TT Thầu
355	40.678	Esomeprazole (dưới dạng	Solezol	Lọ	40mg	Tiêm	52011051942 4	26,888	Anfarm Hellas S.A.	Hy Lạp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD	88/QĐ- TTMS;G1;N1;2024
356	40.173	Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim	Cefotaxime 1000	Lọ	1000mg	Tiêm	VD-19007-13	6,993	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	88/QĐ- TTMS;G1;N2;2024
357	40.493	Bisoprolol fumarat	Bisoprolol 5mg	Viên	5mg	Uống	VN-22178-19	604	Lek S.A	Ba Lan	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	98/QĐ- TTMS;G1;N1;2024
358	40.549	Atorvastatin	Insuact 10	viên	10mg	uống	89311048702 4	259	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	98/QĐ- TTMS;G1;N2;2024
359	40.549	Atorvastatin	Insuact 20	viên	20mg	uống	89311037052 3	311	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	98/QĐ- TTMS;G1;N2;2024
360	40.166	Cefazolin (dưới dạng cefazolin	Biofazolin	Lọ	1g	Tiêm	59011041372 3	16,990	Pharmaceutical Works	Ba Lan	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	98/QĐ- TTMS;G1;N1;2024
361	40.679	Pantoprazol (dưới dạng	Axitan 40mg	Viên	40mg	Uống	VN-20124-16	898	Balkanpharma - Dupnitsa AD	Bulgaria	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	98/QĐ- TTMS;G1;N1;2024
362	40.168	Hỗn hợp vô khuẩn	Antipecc 1g	Lọ	1g	Tiêm	89371003842 4	39,689	Công ty TNHH Medochemie (Viên	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U.N.I VIỆT NAM	98/QĐ- TTMS;G1;N1;2024
363	40.231	Moxifloxacin (dưới dạng	Mikrobiel 400mg/250ml	Chai	400mg/ 250ml	Tiêm	VN-21596-18	147.000	Cooper S.A. Pharmaceuticals	Hy Lạp	LIÊN DANH THẦU EMA VÀ ALPHA PHÁP	98/QĐ- TTMS;G1;N2;2024
364	40.189	Meropenem	Merovia	Lọ	1000mg	Tiêm	VN-22064-19	57,750	Remedina S.A.	Hy Lạp	LIÊN DANH THẦU THẾ GIỚI MỚI VÀ HOÀNG HÀ	98/QĐ- TTMS;G1;N1;2024
365	40.189	Meropenem	Merovia	Lọ	1000mg	Tiêm	VN-22064-19	57,750	Remedina S.A.	Hy Lạp	LIÊN DANH THẦU THẾ GIỚI MỚI VÀ HOÀNG HÀ	98/QĐ- TTMS;G1;N2;2024
366	40.155	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin	Curam 1000mg	Viên	875mg +	Uống	88811043682 3	5,946	Sandoz GmbH	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	98/QĐ- TTMS;G1;N1;2024
367	40.173	Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim	Tenamyd- Cefotaxime 1000	Lọ	1000mg	Tiêm	VD-19443-13	11,361	Công ty cổ phần dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO	98/QĐ- TTMS;G1;N1;2024
368	40.179	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim	Tenamyd- Ceftazidime 1000	Lọ	1000mg	Tiêm	VD-19447-13	19,488	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMYD	98/QĐ- TTMS;G1;N1;2024
369	40.229	Levofloxacin (dưới dạng	Ozanier 500mg	Viên	500mg	Uống	89361526232 3	1.000	Công ty TNHH Medochemie (Viên	Việt Nam	CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC	98/QĐ- TTMS;G1;N2;2024
370	40.30.64	Tramadol hydrochloride +	Paratramol	Viên	37,5 mg + 325	Uống	VN-18044-14	2,290	Pharmaceutical Works Polpharma	Ba Lan	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	98/QĐ- TTMS;G1;N1;2024
371	40.678	Esomeprazol (dưới dạng	Haxium 40	viên	40mg	uống	89311026952 3	840	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	98/QĐ- TTMS;G1;N2;2024
372	40.220	Clarithromycin	Clarithromycin Stella 500 mg	viên	500mg	uống	VD-26559-17	3,741	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm -	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHUÔNG DUY	98/QĐ- TTMS;G1;N2;2024
373	40.155	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin	Cepmox-Clav 875 mg/125 mg	viên	875mg ; 125mg	uống	VD-33452-19	5,250	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM IMEXPHARM	98/QĐ- TTMS;G1;N2;2024

S T T	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Đơn vị tính	Hàm lượng	Đườn g dùng	Số ĐK	Đơn giá	Nhà SX	Nước SX	Nhà thầu	TT Thầu
374	40.30.64	Paracetamol; Tramadol	ULTRADOL	Viên	325mg; 37,5mg	Uống	89311110782 3	896	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm -	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	98/QĐ- TTMS;G1;N2;2024
375	40.491	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin	Amlodipine 5 mg Cap	Viên	5mg	Uống	VD-35752-22	312	Nhà máy Stada Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	53/QĐ- TTMS;G1;N1;2025
376	40.558	Rosuvastatin (dưới dạng	Sterolow 20	Viên	20mg	Uống	89311007112 4	469	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	53/QĐ- TTMS;G1;N2;2025
377	40.183	Ceftriaxon (dưới dạng Ceftriaxon	Ceftriaxone 1000	Chai/ Lọ	1000mg	Tiêm	VD-19010-13	9,324	Công ty cổ phần dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMYD	53/QĐ- TTMS;G1;N2;2025
378	40.228	Levofloxacin (dưới dạng	Levofloxacin/cooper solution for infusion	Chai	500mg/ 100ml	Tiêm truyền	52011598662 4	42,000	Cooper S.A. Pharmaceuticals	Hy Lạp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THẾ GIỚI MỚI	53/QĐ- TTMS;G1;N1;2025
379	40.155	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin	Curam 625mg	Viên	500mg +	Uống	90011097652 4	3,948	Sandoz Gmbh	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	53/QĐ- TTMS;G1;N1;2025
380	40.506	Irbesartan	Irprestan 150mg	viên	150mg	Uống	VN-21977-19	1,328	Balkanpharma - Dupnitsa AD	Bulgaria	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	53/QĐ- TTMS;G1;N1;2025
381	40.678	Esomeprazol (dưới dạng vi hạt	Esomeprazole STADA 20 mg	Viên	20mg	Uống	VD-29349-18	500	Nhà máy Stada Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ QUẢNG TRỊ	53/QĐ- TTMS;G1;N2;2025
382	40.227	Ciprofloxacin (dưới dạng	Ciprofloxacin EG 500 mg	Viên	500mg	Uống	VD-29979-18	717	Nhà máy Stada Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	53/QĐ- TTMS;G1;N2;2025
383	40.506	Irbesartan	Irbesartan Stada 150 mg	Viên	150mg	Uống	VD-35369-21	720	Nhà máy Stada Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	53/QĐ- TTMS;G1;N2;2025
384	40.558	Rosuvastatin	Courtois	Viên	10mg	Uống	VD-21987-14	371	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ	53/QĐ- TTMS;G1;N2;2025
385	40.138	Pregabalin	Davyca	Viên	75mg	Uống	89311088262 4	638	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ	53/QĐ- TTMS;G1;N2;2025
386	40.228	Levofloxacin (dưới dạng	Goldquino 5 mg/ml Injection	Túi	500mg	Tiêm truyền	88011540922 3	40,000	JW Life Science Corporation	Hàn Quốc	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM - VK	53/QĐ- TTMS;G1;N2;2025
387	40.677	Omeprazol	Bioprazol 20 mg	Viên	20mg	Uống	VN-23228-22	850	- Cơ sở chịu trách nhiệm sản xuất dạng	Bulgaria	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	53/QĐ- TTMS;G1;N1;2025
388	40.677	Omeprazol (dưới dạng Omeprazol	Ulcomez	Lọ	40mg	Tiêm	VN-19282-15	27,390	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd.	Ấn Độ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỆP THUẬN THÀNH	53/QĐ- TTMS;G1;N2;2025
389	40.513	Losartan kali; Hydrochlorothiazid	Presartan H 50	Viên	50mg + 12.5mg	Uống	VN-18912-15	368	Ipeca Laboratories Ltd.	Ấn Độ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG ANH	53/QĐ- TTMS;G1;N2;2025
390	40.558	Rosuvastatin (dưới dạng	Pms-Rosuvastatin	Viên	20mg	Uống	75411008022 3	1,599	Pharmascience Inc	Canada	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC NEWSUN	53/QĐ- TTMS;G1;N1;2025
391	40.558	Rosuvastatin (dưới dạng	Pms-Rosuvastatin	Viên	10mg	Uống	75411000110 0	888	Pharmascience Inc	Canada	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC NEWSUN	53/QĐ- TTMS;G1;N1;2025
392	40.155	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin	Koact 625	Viên	500mg; 125mg	Uống	89011051702 4	3,000	Aurobindo Pharma Limited	Ấn Độ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG	53/QĐ- TTMS;G1;N2;2025

S T T	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Đơn vị tính	Hàm lượng	Đườn g dùng	Số ĐK	Đơn giá	Nhà SX	Nước SX	Nhà thầu	TT Thầu
393	40.227	Ciprofloxacin hydrochloride	Tamisynt 500mg	Viên	500mg	Uống	89361526242 3	1,945	Công ty TNHH Medochemie (Viễn)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG	53/QĐ-TTMS;G1;N1;2025
394	40.512	Losartan kali	Nerazzu-50	Viên	50mg	Uống	VD-19665-13	333	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ	53/QĐ-TTMS;G1;N2;2025
395	40.183	Ceftriaxon (dưới dạng Ceftriaxon)	Medivernol 1g	Lọ	1g	Tiêm	89371019752 3	9,330	Công ty TNHH Medochemie (Viễn)	Việt Nam	CÔNG TY TNHH SK QUỐC TẾ	53/QĐ-TTMS;G1;N1;2025
396	40.512	Losartan Kali	Lostad T50	Viên	50mg	Uống	89311050442 4	1,321	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm -	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	53/QĐ-TTMS;G1;N1;2025
397	40.30.27 0	Efavirenz, Tenofovir	Efavirenz/ Lamivudine/	Viên	400mg, 300mg.	Uống	89011014102 3	3,580	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	63/QĐ-TTMS;G1;N5;2025
398	40.277	Tenofovir disoproxil fumarat	Tenofovir 300	Viên	300mg	uống	VD3-175-22	1,395	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	80/QĐ-TTMS;G1;N4;2025
399	40.269	Lopinavir+Ritona vir	Lopimune Tablets	Viên	200mg+ 50mg	uống	89011008952 3	8,899	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	80/QĐ-TTMS;G1;N2;2025
400	40.268	Lamivudin	Lamivudin Hasan 150	Viên	150mg	uống	VD-34459-20	882	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	80/QĐ-TTMS;G1;N5;2025
401	40.269	Lopinavir+Ritona vir	Aluvia	Viên	200mg+ 50mg	uống	VN-17801-14	12,941	Abbvie Deutschland GmbH & co.KG	Đức	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	81/QĐ-TTMS;G1;N1;2025
402	05C.13	Bạch mao căn, Đương quy, Kim	Bài thạch Trường Phúc	Viên	0,8g; 0,8g;	Uống	VD-32590-19	2,050	Công ty TNHH Dược thảo Hoàng	Việt Nam	CT CP TM DP XUÂN NGUYỄN	1064/QĐ-SYT;G3;N2;2023;8
403	05C.25	Diệp hạ châu, Hoàng bá, Mộc	Phyllantol	Viên	1,8g; 0,5g;	Uống	V45-H12-13	1,675	Công ty TNHH Vạn Xuân	Việt Nam	CÔNG TY TNHH VẠN XUÂN	1064/QĐ-SYT;G3;N2;2023;8
404	05C.33	Kim ngân hoa, Liên kiều, Diệp	Forvim - ngân kiều giải độc Xuân Quang	viên	1500mg.	uống	VD-30063-18	2,650	Công Ty TNHH Đông Dược Xuân	Việt Nam	CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC XUÂN QUANG	1064/QĐ-SYT;G3;N2;2023;8
405	05C.35	Kim tiền thảo	Kim tiền thảo	Viên	176mg	Uống	VD-26840-17 (Quyết)	200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Việt	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG	1064/QĐ-SYT;G3;N2;2023;8
406	05C.37.2	Kim tiền thảo, Râu ngô	Desmodips	Viên	1000mg ;	Uống	VD-31003-18	1,092	Công ty TNHH MTV dược phẩm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DP NGUYỄN ANH KHOA	1064/QĐ-SYT;G3;N2;2023;8
407	05C.45.4	Nhân trần, Trạch tả, Đại hoàng,	Giải độc gan Xuân Quang	Viên	1,70g, 0,83g.	uống	V582-H12-10	2,650	Công Ty TNHH Đông Dược Xuân	Việt Nam	CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC XUÂN QUANG	1064/QĐ-SYT;G3;N2;2023;8
408	05C.55.1	Đỗ trọng, Ngũ gia bì chân chim,	Tisore - Khu phong hóa thấp Xuân Quang	viên	1100mg.	uống	VD-29444-18	2,975	Công Ty TNHH Đông Dược Xuân	Việt Nam	CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC XUÂN QUANG	1064/QĐ-SYT;G3;N2;2023;8
409	05C.61.2	Hà thủ ô đỏ, Thổ phục linh,	Phong tê thấp	Viên	400mg +	Uống	VD-31441-19	1,600	Cơ sở nhận gia công: Chi nhánh công ty	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y.A.C	1064/QĐ-SYT;G3;N2;2023;8
410	05C.67	Lá lốt, Hy thiêm, Ngưu tất, Thổ	Phong Thấp Trung Ương I	Viên	330mg +	Uống	VD-32545-19	2,200	Công ty CP dược phẩm Trung Ương I-	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y.A.C	1064/QĐ-SYT;G3;N2;2023;8
411	05C.69	Mã tiền chế, Độc hoạt, Xuyên	Phong tê thấp Hydan	Túi	Mã tiền chế	Uống	VD-24402-16	3,400	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	1064/QĐ-SYT;G3;N2;2023;8

S T T	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Đơn vị tính	Hàm lượng	Đườn g dùng	Số ĐK	Đơn giá	Nhà SX	Nước SX	Nhà thầu	TT Thầu
412	05C.70	Mã tiền chế, Đương qui, Đỗ	Phong tê thấp HD New	Viên	70mg + 70mg +	Uống	VD-27694-17	1,400	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y.A.C	1064/QĐ- SYT;G3;N2;2023;8
413	05C.71.2	Mã tiền chế, Hy thêm, Ngũ gia	FENGSHI-OPC Viên phong thấp	Viên	0,7mg; 852mg;	Uống	VD-19913-13	840	Chi nhánh Công ty CPDP OPC tại Bình	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	1064/QĐ- SYT;G3;N2;2023;8
414	05C.81	Bạch truật, Mộc huương, Hoàng	Đại tràng kháng	Viên	Mỗi viên	Uống	VD-28579-17	1,740	Công ty TNHH Nam Dược	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	1064/QĐ- SYT;G3;N2;2023;8
415	05C.107. 7	Nhân sâm, Hoàng kỳ, Đương quy.	BỔ TRUNG ÍCH KHÍ	Viên	Cao khô hỗn	Uống	VD-27362-17	810	CÔNG TY CPTM Dược VTYT Khai Hà	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	1064/QĐ- SYT;G3;N2;2023;8
416	05C.113. 1	Thương truật, Hậu phác, Trần	Stomaps	Viên	Mỗi 81,8 mg	Uống	VD-32732-19	1,680	Công ty TNHH MTV Dược phẩm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH VẠN XUÂN	1064/QĐ- SYT;G3;N2;2023;8
417	05C.116	Trần bì, Đương quy, Mạch nha,	Caltestin (Viêm đại tràng Xuân Quang)	Viên	1,50g. 1,50g,	Uống	V577-H12-10	3,000	Công Ty TNHH Đông Dược Xuân	Việt Nam	CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC XUÂN QUANG	1064/QĐ- SYT;G3;N2;2023;8
418	05C.117	Cao khô Trinh nữ hoàng cung	Crinaphusa- Trinh nữ hoàng cung	Viên	250mg	Uống	VD-31002-18	2,730	Công ty TNHH MTV dược phẩm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DP NGUYỄN ANH KHOA	1064/QĐ- SYT;G3;N2;2023;8
419	05C.126	Đăng tâm thảo, Táo nhân, Thảo	AN THẦN	Viên	0,8g, 0,8g,	Uống	VD-16618-12	2,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE	1064/QĐ- SYT;G3;N2;2023;8
420	05C.140	Thỏ ty tử, Hà thủ ô, Dây đau	Flavital 500	Viên	25mg, 25mg,	Uống	VD-24184-16	2,700	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	1064/QĐ- SYT;G3;N2;2023;8
421	05C.156	Sinh địa, Mạch môn, Huyền sâm,	Bổ phế trị ho	Viên	250 mg;	Uống	VD-33929-19	1,806	Công ty TNHH MTV Dược phẩm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DP NGUYỄN ANH KHOA	1064/QĐ- SYT;G3;N2;2023;8
422	05C.166. 2	Nhân sâm, Nhưng hươu, Cao	Viên nang sâm nhưng HT	Viên	20mg, 25mg,	Uống	VD-25099-16	4,000	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	1064/QĐ- SYT;G3;N2;2023;8
423	05C.179. 3	Đương quy, Xuyên khung,	ĐẠI BỔ KHÍ HUYẾT	Viên	Mỗi viên	Uống	VD-32245-19	790	CÔNG TY CPTM Dược VTYT Khai Hà	Việt Nam	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO	1064/QĐ- SYT;G3;N2;2023;8
424	05C.193. 4	Thục địa, Hoài son, Sơn thù,	Viên nang cứng Lục vị	Viên	550mg cao đặc	Uống	VD-31703-19	554	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Việt	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG	1064/QĐ- SYT;G3;N2;2023;8
425	05C.165	Nhân sâm, Lộc nhung, Đương	Song hảo đại bổ tinh- F	Viên	Mỗi viên	Uống	VD-21496-14	1,260	Công ty TNHH Dược phẩm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM FITOPHARMA	1064/QĐ- SYT(124);G3;N2;2
426	05C.181. 19	Ngưu tất, Đương quy, Xuyên	Hoạt huyết Phúc Hung	Viên	400mg +	Uống	VD-24511-16	770	Công ty TNHH Đông Dược Phúc	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM LONG MIỀN NAM	1064/QĐ- SYT(225);G3;N2;2
427	05C.135. 6	Lá sen, Vông nem, Lạc tiên,	Mimosa Viên an thần	Viên	180mg; 600mg;	Uống	VD-20778-14	996	Chi nhánh Công ty CPDP OPC tại Bình	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	1064/QĐ- SYT(499);G3;N2;2

Người lập bảng



CDD. Nguyễn Thị Châu Ngân



BSCKII. Nguyễn Văn No